

6. Công ty phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho khách hàng ủy thác và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản phải được cung cấp cho khách hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.

Trường hợp trong ngày công ty quản lý quỹ mua hoặc bán cùng một loại tài sản cho nhiều khách hàng ủy thác và cho bản thân công ty, việc phân bổ tài sản, giao dịch được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Ưu tiên phân bổ tài sản giao dịch cho khách hàng ủy thác. Việc phân bổ tài sản giữa các khách hàng ủy thác phải công bằng, theo đúng quy trình phân bổ tài sản đã ban hành. Trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, trường hợp khách hàng ủy thác không chỉ định giá giao dịch, tài sản được mua hoặc bán tại các mức giá khác nhau, công ty quản lý quỹ phải sử dụng mức giá bình quân gia quyền để phân bổ tài sản; trường hợp khách hàng ủy thác chỉ định giá giao dịch, công ty quản lý quỹ phân bổ theo mức giá khách hàng chỉ định;
 - b) Việc phân bổ giao dịch cho bản thân công ty chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các lệnh giao dịch cho khách hàng ủy thác. Trường hợp công ty quản lý quỹ biết thông tin nội bộ hoặc biết lệnh giao dịch tài sản ủy thác có thể ảnh hưởng lớn tới giá của một loại tài sản, công ty quản lý quỹ không được giao dịch cùng loại tài sản đó hoặc tiết lộ cho bên thứ ba giao dịch tài sản đó;
 - c) Việc phân bổ tài sản phải được thông báo cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để thực hiện ngay trong ngày giao dịch.
7. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác, công ty quản lý quỹ bảo đảm:

- a) Đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:
 - Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
 - Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của công ty quản lý quỹ không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ 06 tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó được thành lập; Quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn 300 tỷ đồng;

- b) Đối với các khách hàng ủy thác khác, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ quy định tại điểm a khoản này, trừ trường hợp công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về lợi ích của công ty quản lý quỹ với công ty chứng khoán và khách hàng ủy thác có văn bản chấp thuận cho phép không cần áp dụng quy định nêu trên.

8. Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác, giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán và các hoạt động quản trị quỹ khác theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
 - Lập, lưu trữ, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán;
 - Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định tại Điều 66 Điều lệ này và các quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.
9. Khi thực hiện quản lý vốn đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải:
- Bảo đảm chịu sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, các quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
 - Bảo đảm thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình và thực hiện việc quản trị rủi ro phù hợp với chính sách đầu tư, loại tài sản đầu tư và báo cáo Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về công tác quản trị rủi ro;
 - Chỉ đưa ra các quyết định đầu tư, thoái vốn đầu tư hàng ngày của công ty đầu tư chứng khoán mà không cần phải có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
 - Thực hiện các chính sách đầu tư, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán; thực hiện các giao dịch tài sản trong phạm vi hạn mức đầu tư, loại tài sản được phép đầu tư, khối lượng giao dịch và đối tượng giao dịch đã được quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
 - Kiến nghị phương án chi trả cổ tức, phương án điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; phương án tái cấu trúc công ty đầu tư chứng khoán;
 - Ký các hợp đồng nhân danh công ty đầu tư chứng khoán theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
 - Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán.

10. Khi quản lý quỹ lưu trữ bổ sung tự nguyện, công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về chương trình lưu trữ bổ sung tự nguyện.
11. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về: khách hàng ủy thác, danh mục tài sản ủy thác, giao dịch tài sản ủy thác, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, các thông tin liên quan khác cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu 01 tháng một lần, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của từng khách hàng ủy thác với ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.
12. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản ủy thác trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư thì công ty quản lý quỹ phải huỷ bỏ giao dịch hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho khách hàng ủy thác. Công ty quản lý quỹ phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất. Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, toàn bộ khoản lợi nhuận phải hạch toán cho khách hàng ủy thác.
13. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho khách hàng ủy thác do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng ủy thác đầu tư. Việc bồi thường cho quỹ mở, nhà đầu tư vào quỹ mở thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán và thỏa thuận giữa các bên liên quan. Việc bồi thường cho quỹ đóng, quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác khác thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên liên quan.
14. Công ty quản lý quỹ thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nếu xét thấy cần thiết hoặc trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại cho khách hàng ủy thác trong các trường hợp quy định tại khoản 13 Điều này.
15. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định pháp luật hiện hành. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.
16. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng.
 - a) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật

- về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;
- b) Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - c) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối thông qua công ty quản lý quỹ phải thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - d) Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp.
17. Công ty quản lý quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của khách hàng ủy thác là cá nhân, tổ chức nước ngoài tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp Việt Nam.
18. Công ty quản lý quỹ khi sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư có điều khoản cho phép thực hiện.
19. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của khách hàng và các thông tin khác liên quan, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
20. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:
- a) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;
 - b) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;
 - c) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

21. Trong hoạt động đầu tư tài chính từ vốn chủ sở hữu, công ty quản lý quỹ bảo đảm:

- a) Hoạt động đầu tư tài chính phải từ nguồn vốn chủ sở hữu, không phải là vốn vay dưới mọi hình thức;
- b) Không được đầu tư chứng khoán phái sinh từ nguồn vốn của mình, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- c) Không được cho vay, hoặc giao vốn của công ty cho các tổ chức, cá nhân dưới mọi hình thức, ngoại trừ trường hợp gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu kho bạc, trái phiếu niêm yết được phát hành theo quy định của pháp luật;
- d) Hợp đồng kinh tế, giao dịch giữa công ty với những người có liên quan của công ty chỉ được thực hiện sau khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
- e) Được sử dụng các nguồn vốn huy động hợp pháp, kể cả vốn vay, để đầu tư làm trụ sở công ty. Trường hợp không sử dụng hết trụ sở, công ty quản lý quỹ được cho thuê lại;
- f) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và tình hình tăng, giảm giá trị các khoản đầu tư này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn tất việc đầu tư, thay đổi giá trị khoản đầu tư, thoái vốn đầu tư;
- g) Công ty quản lý quỹ và người có liên quan (ngoại trừ người có liên quan là các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ quản lý) chỉ được đầu tư không quá 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty chứng khoán đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

22. Công ty quản lý quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức trước khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm a khoản 21 Điều này, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật ngân hàng và các nguyên tắc sau:

- a) Công ty quản lý quỹ được phép đầu tư tối đa 20% vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất đã được soát xét và báo cáo tài chính quý gần nhất; đảm bảo không vượt quá hạn mức đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận. Công ty quản lý quỹ chỉ đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào công cụ đầu tư do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
- b) Trường hợp danh mục đầu tư của công ty quản lý quỹ vượt quá hạn mức quy định do biến động giá trên thị trường của tài sản đang nắm giữ hoặc do được hưởng các quyền có liên quan đến tài sản nắm giữ, công ty quản lý quỹ phải thực hiện các biện pháp điều chỉnh cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đầu tư vượt quá hạn mức.

23. Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối chứng chỉ quỹ phải tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử.
24. Trong hoạt động báo cáo sở hữu, công bố thông tin về giao dịch trên thị trường chứng khoán, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm:
- a) Công ty quản lý quỹ cùng với các khách hàng ủy thác phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo sở hữu và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với cổ đông lớn của công ty đại chúng, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ;
 - b) Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin phát sinh kể từ thời điểm:
 - Số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ do công ty quản lý quỹ và các khách hàng ủy thác sở hữu đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng hoặc đạt từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ của một quỹ đóng, ngoại trừ khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục;
 - Công ty quản lý quỹ là người có liên quan của người nội bộ theo quy định của pháp luật, ngoại trừ giao dịch hoán đổi của quỹ hoán đổi danh mục và hoạt động tái cơ cấu danh mục theo định kỳ của chỉ số tham chiếu;
 - Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin, phương thức, thời điểm công bố thông tin, mẫu báo cáo sở hữu, công bố thông tin thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - c) Thực hiện các nghĩa vụ khác về báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trường hợp khách hàng ủy thác danh mục đầu tư đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng ủy thác có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
25. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hằng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên, cứ người hành nghề chứng khoán tham gia các khóa tập huấn do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật. Thông tin về các hoạt động này của công ty phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hằng năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
26. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật đầy đủ, kịp thời các thay đổi về tổ chức và hoạt động của công ty vào cơ sở dữ liệu công ty quản lý quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 65. Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty và nhân viên làm việc tại Công Ty

1. Công Ty không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công Ty đang quản lý. Thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm Soát (nếu có), Chủ Tịch Công Ty, ban điều hành, nhân viên của Công Ty không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty quản lý quỹ đang quản lý nếu Điều lệ quỹ,

Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán cho phép, ngoại trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.

3. Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
 - a) Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán;
 - b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.
5. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ, thưởng theo quy định tại khoản 9 Điều này được quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư.
6. Trong hoạt động quản lý tài sản ủy thác, công ty quản lý quỹ bảo đảm:
 - a) Không được sử dụng tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào chính quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó;
 - b) Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
 - c) Không được sử dụng tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ trừ trường hợp sử dụng tài sản của quỹ hoán đổi danh mục để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ.

Công ty quản lý quỹ có thể sử dụng vốn của quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục để đầu tư vào các tổ chức nêu trên trong trường hợp Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, hợp đồng ủy thác đầu tư, biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép công ty quản lý quỹ thực hiện việc đầu tư này với mức giá dịch vụ quản lý phù hợp và đảm bảo tuân thủ quy định tại điểm b khoản này;

- d) Không được sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng đối với: khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên; hoặc trong trường hợp khách hàng ủy thác quản lý danh mục đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác;
 - e) Chỉ sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục để đầu tư vào chứng khoán phái sinh niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán với mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà khách hàng ủy thác đang nắm giữ. Việc đầu tư tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán;
 - f) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng ủy thác về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc bảo đảm khách hàng ủy thác không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định; không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của công ty; không trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư;
 - g) Không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho khách hàng ủy thác.
7. Công ty quản lý quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đảm bảo:
- a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
 - b) Công ty quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.
8. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
9. Ngoại trừ quỹ mở, công ty quản lý quỹ được nhận thưởng hoạt động theo quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư. Mức thưởng bảo đảm tuân thủ nguyên tắc sau:
- a. Được tính trên cơ sở phần lợi nhuận hằng năm của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán vượt trội so với lợi nhuận tham chiếu được xác định dựa vào tỷ lệ tăng trưởng chỉ số thị trường, cơ cấu danh mục đầu tư và các chỉ tiêu khác quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
 - b. Phải tính giảm trừ, hoặc không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư tại các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp.

Điều 66. Ủy quyền hoạt động

1. Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh, công ty quản lý quỹ được:

- a) Ủy quyền cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện các dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
 - b) Ủy quyền cho tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý tài sản đối với tài sản của khách hàng ủy thác đầu tư ở nước ngoài.
2. Hoạt động ủy quyền quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm:
- a) Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư có quy định cho phép công ty quản lý quỹ được ủy quyền các hoạt động này. Trường hợp ủy quyền hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, tổ chức nước ngoài phải được cơ quan quản lý trong lĩnh vực chứng khoán nước ngoài cấp phép hoạt động nhận ủy quyền và chịu sự quản lý, thanh tra, giám sát của cơ quan này;
 - b) Các thông tin cơ bản của bên nhận ủy quyền, phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền phải được công bố tại Bản cáo bạch, cung cấp cho khách hàng ủy thác. Đại hội nhà đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ thay đổi tổ chức nhận ủy quyền nếu xét thấy cần thiết;
 - c) Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm để thực hiện hoạt động được ủy quyền; Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
 - d) Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này;
 - e) Việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải được nêu rõ tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và công bố tại bản cáo bạch. Việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải được đại hội nhà đầu tư, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác chấp thuận bằng văn bản.
3. Đối với hoạt động đã ủy quyền, Công Ty có trách nhiệm:
- a) Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;
 - b) Ký hợp đồng ủy quyền với bên nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền bao gồm các nội dung tối thiểu theo quy định;
 - c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Công Ty và của khách hàng ủy thác (nếu có). Công Ty được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm này; Định kỳ hằng tháng, công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động đã ủy quyền;

- d) Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
- e) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty, tổ chức kiểm toán độc lập, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
- f) Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty đối với khách hàng ủy thác. Công Ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền, trừ các nghĩa vụ pháp lý, các khoản phí mà khách hàng trực tiếp thỏa thuận, thanh toán cho bên nhận ủy quyền trên cơ sở hợp đồng ủy thác đầu tư, hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan. Công Ty phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư và dịch vụ cung cấp cho khách hàng ủy thác;
- g) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
- h) Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền. Các tài liệu này phải được cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu;
- i) Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ký hợp đồng với bên nhận ủy quyền đối với các hoạt động ủy quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Công Ty thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ủy quyền này, kèm theo các tài liệu xác nhận bên nhận ủy quyền đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 67. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác và thay thế Công Ty quản lý quỹ khác

1. Công Ty chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác trong các trường hợp sau:
 - a) Tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác theo các quy định của điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
 - b) Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác quản lý danh mục;
 - c) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
 - d) Tổ chức lại công ty quản lý quỹ;
 - e) Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, hết thời gian hoạt động, hợp đồng ủy thác đầu tư hết hiệu lực.
2. Công Ty phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, đại hội cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều này.
3. Quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác của Công Ty chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, quyền và nghĩa vụ đối với khách

hàng ủy thác cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày khách hàng ủy thác thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ.

4. Công Ty phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với khách hàng ủy thác mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, Công Ty chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế.

Điều 68. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Mọi tranh chấp giữa các cổ đông, giữa Công Ty với nhà đầu tư ủy thác trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải.
2. Trường hợp các bên tranh chấp không tự thỏa thuận được với nhau sẽ được đưa ra Tòa án hoặc một tổ chức có thẩm quyền xét xử. Quyết định của Tòa án hay của tổ chức đó là quyết định cuối cùng mà các bên tranh chấp phải tuân theo.

CHƯƠNG V

TÀI CHÍNH - KÊ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 69. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;
2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó.

Điều 70. Kế toán, kiểm toán, thuế

1. Công Ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê và thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trước khi trình Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty và đại hội nhà đầu tư/đại hội thành viên quỹ đầu tư chứng khoán hoặc đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán xem xét và thông qua.
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính năm có kiểm toán của Công Ty phải được gửi đến UBCKNN và Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Điều 71. Phân phối lợi nhuận

1. Trước khi thực hiện phân chia lợi nhuận cho các cổ đông, lợi nhuận sau thuế của Công Ty cuối năm tài chính phải được sử dụng để trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành. Tỷ lệ trích lập các quỹ không được quy định bởi pháp luật hiện hành sẽ được Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty quyết định.
2. Công Ty chỉ phân chia lợi nhuận cho các cổ đông dựa trên nguyên tắc:
 - a) Công Ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

- b) Công Ty phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi phân chia lợi nhuận, tức là: không có nợ quá hạn, không có nghĩa vụ tài sản khác đã quá hạn mà chưa thanh toán được, không đảo nợ, dùng vốn vay mới để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn thanh toán;
 - c) Công Ty có đủ nguồn tài chính tại thời điểm phân chia để thực hiện phân chia lợi nhuận cho các cổ đông, đảm bảo việc phân chia lợi nhuận không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.
3. Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm phê duyệt danh sách cổ đông được phân chia lợi nhuận và thời điểm phân phối lợi nhuận.
 4. Khi kinh doanh thua lỗ, Công Ty được chuyển lỗ sang năm tiếp theo để được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế, thời gian chuyển lỗ không vượt quá thời gian tối đa cho phép được chuyển lỗ theo quy định của pháp luật.

Điều 72. Chế độ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo

1. Công Ty có nghĩa vụ thực hiện chế độ công bố thông tin và báo cáo về hoạt động của Công Ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý theo quy định của pháp luật.
2. Công Ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này. Công Ty phải đảm bảo có đủ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính và tại các văn phòng đại diện, văn phòng các đại lý phân phối của mình cũng như tại trang thông tin điện tử (website) của Công Ty và cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư các tài liệu sau:
 - a) Điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, bản cáo bạch; Bản cáo bạch tóm tắt, các tài liệu, báo cáo, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;
 - b) Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán của tối thiểu 05 năm gần nhất; báo cáo tài chính 6 tháng, các báo cáo tài chính quý tới quý gần nhất của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;
 - c) Báo cáo hoạt động định kỳ của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán của tối thiểu 05 năm gần nhất;
 - d) Báo cáo về giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán.

CHƯƠNG VI

GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TÓ CHỨC LẠI CÔNG TY

Điều 73. Giải thể Công Ty

1. Công Ty bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều Lệ Công Ty mà không có quyết định gia hạn hoạt động;
 - b) Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty;
 - c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Công Ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp hết khả năng thanh toán, việc giải thể thực hiện theo quy định pháp luật về phá sản.
3. Kể từ khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận giải thể, Hội Đồng Quản Trị không được thực hiện các hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp, đồng thời trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản Công Ty.
4. Trình tự giải thể Công Ty thực hiện theo quy định pháp luật về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty quản lý quỹ.

Điều 74. Phá sản Công Ty

Việc phá sản Công Ty được tiến hành theo các quy định của Luật Phá sản và các văn bản luật khác có liên quan.

Điều 75. Tổ chức lại Công Ty

1. Trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, Công Ty, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, ban điều hành phải:
 - a) Bảo đảm an toàn tài sản của Công Ty, không được cất giấu, tẩu tán tài sản của Công Ty dưới mọi hình thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các vấn đề ngoài sổ sách không được bàn giao;
 - b) Các công ty tham gia tổ chức lại có quyền, trách nhiệm đối với toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình cho đến khi công ty hình thành sau hợp nhất, nhận sáp nhập được cấp, điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động;
 - c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Cổ đông phản đối việc tổ chức lại có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại cổ phần. Chủ nợ có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ hoàn trả khoản vay khi thực hiện tổ chức lại. Các yêu cầu nêu trên được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
3. Trình tự, thủ tục tổ chức lại Công Ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 76. Hiệu lực của Điều Lệ

Điều Lệ có hiệu lực kể từ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 28 tháng 06 năm 2022.. và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

Điều 77. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

1. Các điều khoản này có thể được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Những vấn đề liên quan đến hoạt động Công Ty không được nêu tại Điều Lệ này sẽ được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật liên quan hiện hành.

Điều 78. Đăng ký Điều Lệ và chữ ký

Bản Điều Lệ này gồm bảy (07) chương, bảy mươi tám (78) Điều, được lập thành ba (03) bản có giá trị pháp lý như nhau.



Người đại diện theo pháp luật

Nguyễn Thái Hà

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS năm 2022

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ BVIM được Đại hội cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 30/6/2021, được sửa đổi, bổ sung ngày 09/02/2022;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt **Kế hoạch trả thù lao, phụ cấp cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2022:**

- **Thù lao, phụ cấp HĐQT:**
 - Chủ tịch HĐQT: 12.000.000 đồng/tháng
 - Thành viên HĐQT: 8.000.000 đồng/tháng
- **Thù lao, phụ cấp Ban kiểm soát:**
 - Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/tháng
 - Thành viên BKS: 2.000.000 đồng/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chi trả thù lao, phụ cấp cho từng thành viên HĐQT, BKS theo thực tế hoạt động, theo quy định của pháp luật và điều lệ, quy chế của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Chí Thành

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Tiếp tục triển khai việc tăng vốn điều lệ và Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ BVIM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHDCD bất thường ngày 09/2/2022 của Công ty;

Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 09/2/2022 của CTCP Quản lý quỹ BVIM đã thông qua việc tăng vốn điều lệ và Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến nay, Công ty vẫn chưa thực hiện xong việc tăng vốn điều lệ.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua việc tiếp tục triển khai việc tăng vốn điều lệ và Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 09/2/2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.



Nguyễn Chí Thành



PHỤ LỤC: CẬP NHẬT PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

Kèm theo Tờ trình số 01/CTT-HDQT về việc Tiếp tục triển khai việc tăng vốn điều lệ và Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ BVIM

1. Nội dung tại Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 09/2/2022

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Chỉ tiêu (VNĐ)	Năm 2019	Năm 2020	Lũy kế Quý IV/2021
Tổng giá trị tài sản	46.719.939.215	45.902.213.427	46.001.759.771
Vốn chủ sở hữu	46.342.045.361	45.790.148.597	44.462.726.465
Tổng doanh thu	1.124.289.196	2.041.505.461	1.548.433.374
Lợi nhuận trước thuế	(512.836.221)	(551.896.764)	(1.327.422.132)
Lợi nhuận sau thuế	(512.836.221)	(551.896.764)	(1.327.422.132)

2. Nội dung cập nhật

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Chỉ tiêu (VNĐ)	Năm 2020	Năm 2021	Quý I/2022
Tổng giá trị tài sản	45.902.213.427	45.927.949.694	44.200.848.415
Vốn chủ sở hữu	45.790.148.597	44.374.916.388	43.799.674.963
Tổng doanh thu	2.041.505.461	1.474.569.276	82.572.744
Lợi nhuận trước thuế	(551.896.764)	(1.415.232.209)	(575.241.425)
Lợi nhuận sau thuế	(551.896.764)	(1.415.232.209)	(575.241.425)



Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2022

THÔNG BÁO

V/v: Về việc ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến bầu bổ sung thành viên
Hội đồng quản trị Công ty CP Quản lý quỹ BVIM

Kính gửi: QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG CTCP QUẢN LÝ QUỸ BVIM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Quản lý quỹ BVIM được ĐHĐCĐ quyết định sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực kể từ ngày 09/02/2022;

Ngày 16/6/2022, 03/03 thành viên HĐQT có đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT gửi đến trụ sở công ty. Căn cứ Điều lệ công ty và quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị trân trọng thông báo đến quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến tham gia bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025.

1. Số lượng thành viên dự kiến bầu bổ sung thêm: 03 thành viên HĐQT
2. Điều kiện, hồ sơ đề cử, ứng cử bổ sung chức danh thành viên HĐQT: theo văn bản đính kèm

- Thời hạn gửi hồ sơ đề cử, ứng cử: 17h00 ngày 27/06/2022

- Danh sách thành viên sẽ được thông báo, cập nhật tại trang web công ty:
<https://bvim.com.vn/tintuc/bvim-news.html>

3. Nơi nhận hồ sơ đề cử, ứng cử:

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ BVIM

Tầng 18, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: (84) 24 3636 0333

Fax: (84) 4 3633 2065

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Lưu VT.



Nguyễn Chí Thành

Số: 11.12022/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: miễn nhiệm, bầu bổ sung và danh sách đề cử ứng viên thành viên HĐQT

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ BVIM được Đại hội cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 30/6/2021, được sửa đổi, bổ sung ngày 09/02/2022;
- Căn cứ thư từ nhiệm của các thành viên HĐQT;

Kính thưa ĐHĐCĐ Công ty QLQ BVIM, hiện tại, HĐQT nhận được thư từ nhiệm vị trí thành viên HĐQT của 3/3 thành viên HĐQT, do đó, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ các nội dung sau:

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT Công ty QLQ BVIM nhiệm kỳ 2021 – 2025 của các ông/bà có tên dưới đây:**
 - Ông Nguyễn Chí Thành – miễn nhiệm chức vụ chủ tịch/thành viên HĐQT từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua;
 - Ông Đỗ Vinh Quang – miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua;
 - Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân – miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua;
- Bầu bổ sung 03 thành viên HĐQT Công ty QLQ BVIM nhiệm kỳ 2021 – 2025.**
- Đề cử danh sách ứng cử viên vào vị trí thành viên HĐQT Công ty QLQ BVIM nhiệm kỳ 2021 – 2025, gồm:**
 - (Ông) Nguyễn Thái Hà – Số CCCD: 001075000149, ngày cấp: 13/12/2012, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
 - (Ông) Đỗ Quang Vinh – Số CCCD: 001089000968, ngày cấp: 04/11/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
 - (Ông) Vũ Đức Trung – Số CCCD: 001080048425, ngày cấp 24/06/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

(chi tiết thông tin lý lịch của các ứng viên được công bố cho ĐHĐCĐ)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.



Số: 12.12022.../TT -HDQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ BVIM được Đại hội cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 30/6/2021, được sửa đổi, bổ sung ngày 09/02/2022;
- Căn cứ thư từ nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát;

Kính thưa ĐHĐCĐ Công ty QLQ BVIM, hiện tại, HĐQT nhận được thư từ nhiệm vị trí Trưởng Ban kiểm soát, do đó, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ các nội dung sau:

Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm sát Công ty QLQ BVIM nhiệm kỳ 2021 – 2025 của ông Vũ Thế Anh từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.



Nguyễn Chí Thành

Số: 03/2022/BC-DHDCDTN

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

V/v: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch HDKD năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Ban Điều hành Công ty cổ phần Quản Lý Quỹ BVIM kính trình ĐHDCD thường niên năm 2022 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch HDKD năm 2022 như sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

Năm 2021, do chưa kiện toàn được bộ máy nhân sự vận hành, các hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty chưa được triển khai hiệu quả, công ty không hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã được ĐHDCD thông qua.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 như sau:

Đơn vị: đồng

	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021
Doanh thu thuần từ HDKD		5.250.000.000	0
Doanh thu tài chính	2.041.505.461		1.474.569.276
Lợi nhuận thuần từ HDKD	(551.896.764)	2.250.000.000	(1.415.232.209)
Lợi nhuận trước thuế	(551.896.764)	2.250.000.000	(1.415.232.209)
Lợi nhuận sau thuế	(551.896.764)	2.250.000.000	(1.415.232.209)

2. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022

Năm 2022, Ban Điều hành dự kiến thực hiện các biện pháp để tái thiết lập và triển khai các hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty như sau:

Về chuẩn bị cơ sở cho hoạt động kinh doanh:

- Hoàn thiện lại hệ thống quy chế phục vụ hoạt động nghiệp vụ: quy chế đầu tư, quy chế tài chính, quy chế quản trị rủi ro;
- Xây dựng hệ thống mô hình quản trị, điều hành, chức năng nhiệm vụ các phòng ban, vị trí nhân sự trong công ty;
- Tuyển dụng bổ sung nhân sự chủ chốt cho các bộ phận nhân sự, tự doanh/nghiệp vụ quản lý quỹ, công nghệ thông tin, quản trị rủi ro, bộ phận kinh doanh.

- Dành ngân sách và thực hiện đầu tư mới tài sản cố định: cơ sở vật chất làm việc, hệ thống thiết bị CNTT, hệ thống phần mềm;
- Tăng vốn điều lệ của công ty, nhằm bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư dài hạn và ngắn hạn của Công ty.

Triển khai hoạt động kinh doanh cụ thể:

- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp lên 250 tỷ đồng, bổ sung 225 tỷ đồng cho nguồn vốn của Công ty;
- Đăng ký thành lập quỹ thành viên và hoàn thành huy động vốn cho quỹ thành viên có quy mô khoảng 1.350 tỷ đồng, triển khai giải ngân vốn đầu tư và thu phí quản lý quỹ (ước tính 1,5% - 2%/năm tính trên giá trị NAV của quỹ)
- Triển khai hoạt động đầu tư vốn dài hạn, đầu tư tài chính ngắn hạn từ nguồn vốn sẵn có và nguồn vốn huy động mới.

Kế hoạch kết quả kinh doanh năm 2022

Đơn vị: đồng

	Năm 2022
DTT từ HDKD	1.806.273.973
<i>QLQ</i>	<i>610.273.973</i>
<i>Tư doanh</i>	<i>1.196.000.000</i>
Chi phí HDKD	470.000.000
Lợi nhuận gộp từ HDKD	1.336.273.973
Doanh thu HĐTC	2.033.428.758
Chi phí TC	-
Chi phí QLDN	2.997.737.379
Lợi nhuận thuần từ HDKD	371.965.352
LNTT	371.965.352
Thuế	-
LNST	371.965.352

Trên đây là nội dung Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022, kính trình ĐHCĐ phê duyệt.

TM. BAN ĐIỀU HÀNH

TỔNG GIÁM ĐỐC


Lê Xuân Tiến